

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DS-ST

Ngày: 30-7-2019

V/v “*tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Ông Bùi Huy Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức: Bà Lê Thị Ngọc Bích.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-KDTM ngày 02 tháng 01 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn* : Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: 109 Trần H Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn Sơn – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh Tuấn – Chức vụ: phó giám đốc PTPGD Tân Thành; Bà Nguyễn Bảo Ngọc – Chức vụ: phó giám đốc trung tâm GSKD. (Có mặt)

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1962. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 33 thôn Thạch Long, xã Kim Long, huyện Châu Đức, BRVT.

2. Bà Phan Thị S, sinh năm 1968. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 45, thôn Thạch Long, xã Kim Long, huyện Châu Đức, BRVT.

3. Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 33 thôn Thạch Long, xã Kim Long, huyện Châu Đức, BRVT.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

Phùng Thị Kim Hà, sinh năm 1961. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Thạch Long, xã Kim Long, huyện Châu Đức, tỉnh BRVT

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt (LPB) là ông Trần Anh Tuấn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt có kí kết các hợp đồng tín dụng với bên vay là ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S, ông Nguyễn Tấn H cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số HDTD 571201780 ngày 05-12-2017 và khế ước nhận nợ số 571201780/01 ngày 06-12-2017, số tiền vay là 2.000.000.000đ, thời hạn vay là 168 tháng, mục đích vay là thanh toán tiền mua quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất. Kỳ hạn trả nợ gốc, thời hạn ân hạn: gốc trả hàng tháng vào ngày 15 hàng tháng, từ kì 1 đến kì 167 trả số tiền 11.900.000đ trên mỗi kỳ; kỳ thứ 168 trả số tiền 12.700.000đ; kỳ hạn trả lãi, thời hạn ân hạn vào ngày 15 hàng tháng.

- Hợp đồng tín dụng số HDTD 571201781 ngày 05-12-2017 và khế ước nhận nợ số 571201781/01 ngày 08-12-2017 với số tiền vay là 1.000.000.000đ, thời hạn vay là 120 tháng, mục đích vay là mua sắm vật dụng gia đình. Kỳ hạn trả nợ gốc, thời hạn ân hạn là vào ngày 15 hàng tháng, từ kỳ thứ 1 đến kỳ thứ 119 trả số tiền 8.333.000đ trên mỗi kỳ, kỳ thứ 120 trả số tiền 8.373.000đ, kỳ hạn trả lãi, thời hạn ân hạn hàng tháng vào ngày 15.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên thì ngày 08-12-2017 Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt đã ký hợp đồng thế chấp số HDTC571201745 với ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị S. Tài sản bảo đảm gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BM 612371, đất thuộc thửa số 206, tờ bản đồ số 43/1, diện tích 487 m² do UBND huyện Châu Đức cấp ngày 30-01-2013.

Quá trình đôn đốc trả nợ ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt đã nhiều lần gọi điện, làm việc trực tiếp thông báo nợ lãi quá hạn, gốc đến hạn và đã gửi thông báo nợ quá hạn cho ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S và ông Nguyễn Tấn H tuy nhiên ông P, bà S, ông H vẫn không trả nợ cho ngân hàng. Cụ thể các khoản gốc ông P, bà S, ông H đã trả cho ngân hàng như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số HDTD 571201780 ngày 05-12-2017 và khế ước nhận nợ số 571201780/01 ngày 06-12-2017 khoản vay 2.000.000.000đ. Gốc đã trả 88.136.707đ, còn dư nợ lại nợ gốc 1.911.863.293đ, khách hàng bắt đầu quá hạn từ ngày 25-02-2018 và từ 20-4-2018 đến bây giờ là không đóng tiền gốc và lãi suất nữa.

+ Hợp đồng tín dụng số HDTD 571201781 ngày 05-12-2017 và khế ước nhận nợ số 571201781/01 ngày 08-12-2017; số tiền vay là 1.000.000.000đ. Gốc đã trả là

58.331.000đ, dư nợ còn lại 941.669.000đ, khách hàng bắt đầu quá hạn từ ngày 25-02-2018 và từ ngày 20-4-2018 đến nay không đóng tiền gốc và lãi suất nữa.

Nay ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S và ông Nguyễn Tấn H có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi, lãi chậm trả và các phí khác theo các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số HDTD 571201780 ngày 05-12-2017 và khế ước nhận nợ số 571201780/01 ngày 06-12-2017 cho ngân hàng với số tiền tính đến ngày 30-7-2019 là 2.170.659.400đ cụ thể:

Tiền gốc: 1.952.400.000đ.

Tiền lãi: 218.259.400đ.

- Hợp đồng tín dụng số HDTD 571201781 ngày 05-12-2017 và khế ước nhận nợ số 571201781/01 ngày 08-12-2017 cho ngân hàng với số tiền tạm tính đến ngày 30-7-2019 là 1.132.336.800đ cụ thể:

Tiền gốc: 966.668.000đ.

Tiền lãi: 165.668.800đ.

Tổng số tiền gốc và lãi suất Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S, ông Nguyễn Tấn H phải trả cho Ngân hàng là 3.302.996.200đ.

Trong thời gian chưa thanh toán hết các khoản nợ Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S, ông Nguyễn Tấn H phải chịu lãi suất quá hạn trên số nợ gốc theo qui định cho đến khi trả hết các khoản vay cho Ngân hàng.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S, ông Nguyễn Tấn H không trả được nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị được phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ; tài sản thế chấp theo đồng thế chấp số HDTC571201745 ngày 08-12-2017 được ký giữa đại diện ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt chi nhánh Vũng Tàu và ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S. Tài sản bảo đảm gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 612371, đất thuộc thửa số 206, tờ bản đồ số 43/1, diện tích 487 m² do UBND huyện Châu Đức cấp ngày 30-01-2013.

Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết các khoản nợ Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S và ông Nguyễn Tấn H có nghĩa vụ phải tiếp tục trả hết số nợ trên cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng trên.

Tại các bản khai, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày : Ông P đồng ý với ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu

điện Liên Việt về các hợp đồng tín dụng mà vợ chồng ông P, bà S và con là Nguyễn Tấn H đã ký với Ngân hàng, đồng ý với Ngân hàng về hợp đồng thế chấp vợ chồng ông P, bà S đã ký với ngân hàng. Về các khoản vay và lãi suất như lời trình bày của ngân hàng là đúng. Ông P không nhớ là vợ chồng ông P đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi suất là bao nhiêu.

Ông P đồng ý trả các khoản nợ mà vợ chồng ông P, bà S và con là ông H còn thiếu cho ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt, thời hạn trả nợ là đến ngày 29-6-2019 sẽ tất toán các khoản nợ cho Ngân hàng. Nếu đến ngày 29-6-2019 vợ chồng ông P và con là Nguyễn Tấn H không trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng thì ông P đồng ý để cho Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số HDTC571201745 ngày 08-12-2017 ký giữa đại diện ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt chi nhánh Vũng Tàu và ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S. Tài sản bảo đảm gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BM 612371, đất thuộc thửa số 206, tờ bản đồ số 43/1, diện tích 487 m² do UBND huyện Châu Đức cấp ngày 30-01-2013.

Tại bản khai tại Tòa án bị đơn là bà Phan Thị S trình bày :

Bà Phan Thị S thống nhất với ông Nguyễn Văn P về các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp mà bà S cùng với ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Tấn H đã ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt. Bà S khai vợ chồng bà và con là ông H đã đóng cho Ngân hàng số nợ gốc là 7 tháng và lãi suất tuy nhiên bà S không nhớ cụ thể số tiền đã trả là bao nhiêu. Bà S đồng ý với tất cả các lời trình bày của ông P, tất cả các ý kiến của ông P đều là ý kiến của bà S.

Tại bản khai tại Tòa án bị đơn là ông Nguyễn Tấn H trình bày :

Ông H thống nhất với ông Nguyễn Văn P về các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp mà ông H cùng với ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị S đã ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt. Ông H khai ông H cùng với bà S, ông P đã đóng cho Ngân hàng số nợ gốc là 7 tháng và lãi suất tuy nhiên ông H không nhớ cụ thể số tiền đã trả là bao nhiêu. Ông H đồng ý với tất cả các lời trình bày của ông P, tất cả các ý kiến của ông P đều là ý kiến của ông H.

Tại bản khai bà Phùng Thị Kim Hà trình bày:

Bà Hà có thuê của ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị S 1 phần đất với diện tích 4 x 1.5 m² là 60 m² mục đích là để đồ, phần đất này nằm phía trước sát đường quốc lộ 56, đất thuộc thửa số 20, tờ bản đồ số 43/1, tọa lạc tại xã Kim Long, huyện Châu Đức, tỉnh BRVT. Bà Hà đồng ý thuê đến khi nào vợ chồng ông P, bà S không cho thuê nữa thì thôi và đồng ý nếu Ngân hàng hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản của vợ chồng ông P, bà S thì bà Hà đồng ý giao lại phần đất đang cho thuê và không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, còn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải; Bị đơn bà Phan Thị S và ông Nguyễn Tấn H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phùng Thị Kim Hà có đơn xin xét xử vắng mặt theo qui định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Nội dung: Chấp nhận yêu cầu của ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt buộc ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S và ông Nguyễn Tấn H phải trả cho ngân hàng số nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 30-7-2019 là 3.302.996.200đ.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ theo đơn khởi kiện của ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn vay tiền mục đích để thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất, vay mua sắm vật dụng gia đình, như vậy việc vay tiền không có mục đích lợi nhuận nên xác định tranh chấp này là tranh chấp về dân sự, không phải là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo như thông báo thụ lý vụ án; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S, ông Nguyễn Tấn H có nơi cư trú tại huyện Châu Đức, theo quy định tại các điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đơn xin xét xử vắng mặt của bà Phan Thị S và ông Nguyễn Tấn H đề nghị Tòa án xét xử vụ án không có sự tham gia của bà S và ông H, đây là yêu cầu chính đáng và phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà S và ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 227, và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về các hợp đồng tín dụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt có kí kết các hợp đồng tín dụng với bên vay là ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S, ông Nguyễn Tấn H cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số HDTD 571201780 ngày 05-12-2017 và khế ước nhận nợ số 571201780/01 ngày 06-12-2017 với số tiền vay là 2.000.000.000đ, thời hạn vay là 168 tháng, mục đích vay là thanh toán tiền mua quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất.

- Hợp đồng tín dụng số HDTD 571201781 ngày 05-12-2017 và khế ước nhận nợ số 571201781/01 ngày 08-12-2017 với số tiền vay là 1.000.000.000đ, thời hạn vay là 120 tháng, mục đích vay là mua sắm vật dụng gia đình.

Các hợp đồng tín dụng trên các đương sự kí kết dựa trên sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng tuân thủ các qui định về hình thức, như vậy các hợp đồng tín dụng trên đều có hiệu lực pháp luật.

Quá trình vay ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt thừa nhận ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S, ông Nguyễn Tấn H đã trả cho Ngân hàng các khoản tiền như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số HDTD 571201780 ngày 05-12-2017 và khế ước nhận nợ số 571201780/01 ngày 06-12-2017 khoản vay 2.000.000.000đ. Gốc đã trả 47.600.000đ, còn dư nợ lại nợ gốc 1.952.400.000đ, khách hàng bắt đầu quá hạn từ ngày 25-02-2018 và từ 20-4-2018 đến bây giờ là không đóng nữa.

+ Hợp đồng tín dụng số HDTD 571201781 ngày 05-12-2017 và khế ước nhận nợ số 571201781/01 ngày 08-12-2017; số tiền vay là 1.000.000.000đ. Gốc đã trả là 33.332.000đ, dư nợ còn lại 966.668.000đ, khách hàng bắt đầu quá hạn từ ngày 25-02-2018 và từ ngày 20-4-2018 đến nay không đóng nữa.

Nay do các khoản vay trên đã quá hạn nên ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S và ông Nguyễn Tấn H có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi, lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng đến ngày 30-7-2019 là 3.302.996.200đ trong đó nợ gốc là 2.919.068.000đ, lãi suất là 383.928.200đ.

Việc ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S và ông Nguyễn Tấn H chưa trả hết các khoản gốc và lãi suất cho Ngân hàng theo thỏa thuận như trong hợp đồng tín dụng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ông P, bà S, ông H không nhớ đã trả cho ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt số tiền là bao nhiêu. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Mặc dù ông P, bà S và ông H không nhớ là đã trả được gốc và lãi suất cho Ngân hàng là bao nhiêu thì cũng không phản đối đối với số nợ gốc và lãi suất mà Ngân hàng yêu cầu ông P, bà S, ông H phải trả cho Ngân hàng, đồng thời cũng không cung cấp thêm được chứng cứ để chứng minh cho việc trả nợ. Căn cứ vào khoản 4 của các hợp đồng tín dụng các bên đã kí kết, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, các Điều 91,94,95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S, ông Nguyễn Tấn H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt đã chuyển toàn bộ dư

nợ còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Điều 4 của các Hợp đồng tín dụng là phù hợp với qui định của Ngân hàng nhà nước về việc cho vay của các Tổ chức tín dụng. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S, ông Nguyễn Tấn H phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi suất còn thiếu là chính đáng nên được chấp nhận, cần buộc ông P, bà S, ông H phải thanh toán tiền gốc và lãi suất tính đến ngày 30-7-2019 cho Ngân hàng là 3.302.996.200đ.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng.

[3.2] Về hợp đồng thế chấp:

Ngày 08-12-2017 Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt đã ký hợp đồng thế chấp số HDTC571201745 với ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị S để đảm bảo cho các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết ở trên. Tài sản bảo đảm gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BM 612371, đất thuộc thửa số 206, tờ bản đồ số 43/1, diện tích 487 m² do UBND huyện Châu Đức cấp ngày 30-01-2013. Xét thấy việc thế chấp tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký Đất đai huyện Châu Đức ngày 08-12-2017 là phù hợp với các quy định tại các Điều 194, 318, 319 của Bộ luật dân sự 2015, như vậy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên có hiệu lực. Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc trong trường hợp ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị S, ông Nguyễn Tấn H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Trường hợp giá trị tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì ông P, bà S, ông H có nghĩa vụ phải tiếp tục trả số nợ còn thiếu cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo qui định của pháp luật.

[3.3] Trường hợp ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S và ông Nguyễn Tấn H đã thanh toán xong các khoản nợ cho ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng có trách nhiệm yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xóa đăng ký theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000đ. Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S và ông Nguyễn Tấn H phải chịu toàn bộ chi phí này. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã được Ngân hàng tạm ứng toàn bộ nên cần buộc ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S và ông Nguyễn Tấn H trả lại cho Ngân hàng số tiền 1.000.000đ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S và ông Nguyễn Tấn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên số nợ 3.302.996.200đ là $72.000.000đ + 2\% (1.302.996.200đ) = 98.059.900đ$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 194, 299, 318, 319, 320, 322, 466 của bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng:

1. Ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S và ông Nguyễn Tấn H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt tổng số tiền gốc và lãi suất tính đến ngày 30-7-2019 là 3.302.996.200đ (Ba tỷ ba trăm lẻ hai triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm đồng), trong đó nợ gốc là 2.919.068.000đ (hai tỷ chín trăm mười chín triệu không trăm sáu mươi tám ngàn đồng), lãi suất là 383.928.200đ (ba trăm tám mươi ba triệu chín trăm hai mươi tám ngàn hai trăm đồng).

Trường hợp ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S và ông Nguyễn Tấn H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt có quyền yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BM 612371, đất thuộc thửa số 206, tờ bản đồ số 43/1, diện tích 487 m² do UBND huyện Châu Đức cấp ngày 30-01-2013 tọa lạc tại xã Kim Long, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Trường hợp giá trị tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết các khoản nợ cho ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt thì ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S, ông Nguyễn Tấn H có nghĩa vụ phải tiếp tục trả hết số nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết.

Trường hợp ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S và ông Nguyễn Tấn H đã thanh toán xong các khoản nợ cho ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng có trách nhiệm yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xóa đăng ký theo quy định của pháp luật.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S, ông Nguyễn Tấn H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000đ. Do chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã được Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt tạm ứng trước toàn bộ nên ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S và ông Nguyễn Tấn H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt số tiền 1.000.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị S, ông Nguyễn Tấn H phải chịu 98.059.900đ (chín mươi tám triệu không trăm năm mươi chín ngàn chín trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.108.000đ (bốn mươi sáu triệu một trăm lẻ tám ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005922 ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức.

3. Quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt, ông Nguyễn Văn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử (30-7-2019); ông Nguyễn Tấn H, bà Phan Thị S, bà Phùng Thị Kim Hà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật, để xin Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- UBND xã Kim Long;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

LÊ THU HIỀN
THẨM PHÁN